BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Tư tưởng Hồ Chí Minh - 1107003
Mã lớp học phần: 110700307 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy:
Ngày thi: 12/12/13 **Giờ thi:** 15h **Phòng thi:** B1.7

Giám thị 1: Dương Ký tên:
Giám thị 2: Kim Liên Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210110001	Nguyễn Ngọc Gia	An	019/8/1994					C14TA1	V
2	1210110003	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/12/1993					C14TA1	V
3	1210110004	Tô Thị Thúy	Anh	01/07/1994			5	Năm	C14TA1	
4	1210110005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/10/1993			2	Hai	C14TA1	
5	1210110006	Lê Thị Hà	Bích	25/01/1994			5	Năm	C14TA1	
6	1210110007	K'	Bri't	13/05/1993			6	Sáu	C14TA1	
7	1210110008	Nguyễn Thị	Cẩm	20/04/1993			6.5	Sáu rưỡi	C14TA1	
8	1210110009	Ngô Cẩm Bích	Châu	31/07/1994					C14TA1	V
9	1210110010	Võ Thị Diễm	Châu	29/06/1994			3.5	Ba rưỡi	C14TA1	
10	1210110011	Nguyễn Thị Thanh	Cúc	06/04/1994			6	Sáu	C14TA1	
11	1210110012	Nguyễn Hồng	Diễm	05/12/1994			8.5	Tám rưỡi	C14TA1	
12	1210110015	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/05/1994			7	Bảy	C14TA1	
13	1210110016	Phạm Thị Ngọc	Dung	22/07/1993			3.5	Ba rưỡi	C14TA1	
14	1210110017	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	17/11/1994			6.5	Sáu rưỡi	C14TA1	
15	1210110013	Hoàng Thái	Dương	24/11/1994			4.5	Bốn rưỡi	C14TA1	
16	1210110014	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/10/1994			4	Bốn	C14TA1	
17	1210110020	Nguyễn Thị	Hà	01/11/1994			8.5	Tám rưỡi	C14TA1	
18	1210110021	Tăng Phú	Hào	01/07/1994					C14TA1	V
19	1210110022	Phùng Nguyễn Thanh	Hảo	28/04/1993			7.5	Bảy rưỡi	C14TA1	
20	1210110019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	18/11/1994			7	Bảy	C14TA1	
21	1210110018	Trần Thị Ngọc	Hậu	25/02/1994			7.5	Bảy rưỡi	C14TA1	
22	1210110023	Đặng Thị Thu	Hiền	06/09/1994			7	Bảy	C14TA1	
23	1210110024	Nguyễn Hồ Thu	Hiền	16/07/1993			5.5	Năm rưỡi	C14TA1	
24	1210110026	Trần Thị Ngọc	Hiếu	02/06/1994			4.5	Bốn rưỡi	C14TA1	
25	1210110025	Nguyễn Thị Gia	Hiệp	23/10/1993			8	Tám	C14TA1	
26	1210110027	Huỳnh Thị Thái	Hoa	23/08/1994			5	Năm	C14TA1	
27	1210110028	Vũ Thị	Hoài	13/09/1994			5	Năm	C14TA1	
28	1210110029	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	20/12/1994			5.5	Năm rưỡi	C14TA1	
29	1210110032	Nguyễn Thị Viên	Huyền	30/11/1993			7	Bảy	C14TA1	
30	1210110033	Trần Phạm Ngọc	Huyền	01/03/1994			7	Bảy	C14TA1	
31	1210110030	Mai Thị Diễm	Hương	06/06/1994					C14TA1	V
32	1210110031	Nguyễn Thị Kim	Hương	15/02/1994			3.5	Ba rưỡi	C14TA1	
33	1210110034	Huỳnh Ngọc	Khang	08/02/1994			8	Tám	C14TA1	
34	1210110035	Trần Nguyễn Trúc	Lan	30/06/1994			4	Bốn	C14TA1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1210110036	Nguyễn Thị Hồng	**Liên**	22/02/1994					C14TA1	✓
36	1210110037	Phạm Thị Trúc	**Liên**	19/09/1994			2	Hai	C14TA1	
37	1210110039	Đặng Thị Phương	**Linh**	25/07/1994					C14TA1	✓
38	1210110040	Phan Thị Hoài	**Linh**	16/10/1994			6	Sáu	C14TA1	
39	1210110042	Nguyễn Tấn	**Lộc**	12/05/1993			3.5	Ba, năm	C14TA1	
40	1210110086	Nguyễn Thanh	**Phú**	15/11/1994			8.5	Tám rưỡi	C14TA1	
41	1210110087	Lê Thu	**Thảo**	14/07/1993			8.5	Tám rưỡi	C14TA1	
42	1210110088	Lý Minh Kim	**Thảo**	26/05/1994					C14TA1	✓
43	1110110046	Nguyễn Thị Liên	**Thảo**	01/04/1992			2.5	Hai rưỡi	C14TA1	
44	1210110089	Nguyễn Thị	**Thêm**	08/07/1993			4	Bốn	C14TA1	
45	1210110090	Nguyễn Minh	**Thiện**	21/08/1994			5	Năm	C14TA1	
46	1210110092	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	08/10/1994			5.5	Năm rưỡi	C14TA1	
47	1210110098	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	27/10/1993			5,5	Năm rưỡi	C14TA1	
48	1210110096	Lưu Thị Kim	**Thúy**	12/07/1994			5.5	Năm rưỡi	C14TA1	
49	1210110097	Phạm Trần Thanh	**Thúy**	01/11/1994					C14TA1	✓
50	1210110095	Bùi Thanh	**Thụy**	08/05/1993			5,5	Năm rưỡi	C14TA1	
51	1210110091	Nguyễn Thị Ngọc	**Thư**	10/10/1994					C14TA1	✓
52	1210110099	Đặng Ngọc Phương	**Thy**	08/10/1994					C14TA1	✓
53	1210110101	Đỗ Thị Kiều	**Tiên**	11/07/1993			5	Năm	C14TA1	
54	1210110100	Nguyễn Thị Thanh	**Tiền**	14/05/1994					C14TA1	✓
55	1210110102	Kim Thị	**Tịnh**	25/04/1994			5.5	Năm rưỡi	C14TA1	
56	1210110104	Trần Thị Thùy	**Trâm**	01/02/1994			8,5	Tám rưỡi	C14TA1	
57	1210110105	Lê Bảo	**Trân**	19/09/1994					C14TA1	✓
58	1210110106	Lý Thanh Huyền	**Trân**	16/08/1993					C14TA1	✓

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lớp AV1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Tư tưởng Hồ Chí Minh - 1107003

Mã lớp học phần: 110700307 **Số tín chỉ: 2.00**

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210110001	Nguyễn Ngọc Gia	An	019/8/1994				C14TA1	
2	1210110003	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/12/1993				C14TA1	
3	1210110004	Tô Thị Thúy	Anh	01/07/1994		8	Tám	C14TA1	
4	1210110005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/10/1993		7	Bảy	C14TA1	
5	1210110006	Lê Thị Hà	Bích	25/01/1994		8	Tám	C14TA1	
6	1210110007	K'	Bri't	13/05/1993		8	Tám	C14TA1	
7	1210110008	Nguyễn Thị	Cẩm	20/04/1993		6	Sáu	C14TA1	
8	1210110009	Ngô Cẩm Bích	Châu	31/07/1994				C14TA1	
9	1210110010	Võ Thị Diễm	Châu	29/06/1994		6	Sáu	C14TA1	
10	1210110011	Nguyễn Thị Thanh	Cúc	06/04/1994		7	Bảy	C14TA1	
11	1210110012	Nguyễn Hồng	Diễm	05/12/1994		8	Tám	C14TA1	
12	1210110015	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/05/1994		6	Sáu	C14TA1	
13	1210110016	Phạm Thị Ngọc	Dung	22/07/1993		7	Bảy	C14TA1	
14	1210110017	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	17/11/1994		8	Tám	C14TA1	
15	1210110013	Hoàng Thái	Dương	24/11/1994		8	Tám	C14TA1	
16	1210110014	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/10/1994		6	Sáu	C14TA1	
17	1210110020	Nguyễn Thị	Hà	01/11/1994		7	Bảy	C14TA1	
18	1210110021	Tăng Phú	Hào	01/07/1994				C14TA1	
19	1210110022	Phùng Nguyễn Thanh	Hảo	28/04/1993		8	Tám	C14TA1	
20	1210110019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	18/11/1994		8	Tám	C14TA1	
21	1210110018	Trần Thị Ngọc	Hậu	25/02/1994		8	Tám	C14TA1	
22	1210110023	Đặng Thị Thu	Hiền	06/09/1994		7	Bảy	C14TA1	
23	1210110024	Nguyễn Hồ Thu	Hiền	16/07/1993		6	Sáu	C14TA1	
24	1210110026	Trần Thị Ngọc	Hiếu	02/06/1994		7	Bảy	C14TA1	
25	1210110025	Nguyễn Thị Gia	Hiệp	23/10/1993		8	Tám	C14TA1	
26	1210110027	Huỳnh Thị Thái	Hoa	23/08/1994		8	Tám	C14TA1	
27	1210110028	Vũ Thị	Hoài	13/09/1994		7	Bảy	C14TA1	
28	1210110029	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	20/12/1994		8	Tám	C14TA1	
29	1210110032	Nguyễn Thị Viên	Huyền	30/11/1993		8	Tám	C14TA1	
30	1210110033	Trần Phạm Ngọc	Huyền	01/03/1994		8	Tám	C14TA1	
31	1210110030	Mai Thị Diễm	Hương	06/06/1994				C14TA1	
32	1210110031	Nguyễn Thị Kim	Hương	15/02/1994		8	Tám	C14TA1	
33	1210110034	Huỳnh Ngọc	Khang	08/02/1994		8	Tám	C14TA1	
34	1210110035	Trần Nguyễn Trúc	Lan	30/06/1994		8	Tám	C14TA1	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1210110036	Nguyễn Thị Hồng	**Liên**	22/02/1994				C14TA1	
5	1210110037	Phạm Thị Trúc	**Liên**	19/09/1994		8	Tám	C14TA1	
37	1210110039	Đặng Thị Phương	**Linh**	25/07/1994				C14TA1	
38	1210110040	Phan Thị Hoài	**Linh**	16/10/1994		6	Sáu	C14TA1	
39	1210110042	Nguyễn Tấn	**Lộc**	12/05/1993		8	Tám	C14TA1	
40	1210110086	Nguyễn Thanh	**Phú**	15/11/1994		7	Bảy	C14TA1	
41	1210110087	Lê Thu	**Thảo**	14/07/1993		8	Tám	C14TA1	
42	1210110088	Lý Minh Kim	**Thảo**	26/05/1994				C14TA1	
43	1110110046	Nguyễn Thị Liên	**Thảo**	01/04/1992		7	Bảy	C14TA1	
44	1210110089	Nguyễn Thị	**Thêm**	08/07/1993		6	Sáu	C14TA1	
45	1210110090	Nguyễn Minh	**Thiện**	21/08/1994		7	Bảy	C14TA1	
46	1210110092	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	08/10/1994		7	Bảy	C14TA1	
47	1210110098	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	27/10/1993		7	Bảy	C14TA1	
48	1210110096	Lưu Thị Kim	**Thúy**	12/07/1994		7	Bảy	C14TA1	
49	1210110097	Phạm Trần Thanh	**Thúy**	01/11/1994				C14TA1	
50	1210110095	Bùi Thanh	**Thụy**	08/05/1993		7	Bảy	C14TA1	
51	1210110091	Nguyễn Thị Ngọc	**Thư**	10/10/1994				C14TA1	
52	1210110099	Đặng Ngọc Phương	**Thy**	08/10/1994				C14TA1	
53	1210110101	Đỗ Thị Kiều	**Tiên**	11/07/1993		8	Tám	C14TA1	
54	1210110100	Nguyễn Thị Thanh	**Tiền**	14/05/1994				C14TA1	
55	1210110102	Kim Thị	**Tịnh**	25/04/1994		7	Bảy	C14TA1	
56	1210110104	Trần Thị Thùy	**Trâm**	01/02/1994		7	Bảy	C14TA1	
57	1210110105	Lê Bảo	**Trân**	19/09/1994				C14TA1	
58	1210110106	Lý Thanh Huyền	**Trân**	16/08/1993				C14TA1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*